

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 710/2020/HC-PT

Ngày: 23 - 11 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất
đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ
giải phóng mặt bằng, tái định cư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Bà Mai Thị Tú Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 158/2020/TLPT-HC ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1789/2019/HCST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2120/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1958.

Thường trú: đường 154, khu phố 3, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân D. (có mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường 1, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND Thành phố

Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Thanh H – Phó trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Th. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

2/. Ủy ban nhân dân quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của UBND quận Th và Chủ tịch UBND quận Th: Ông Nguyễn Hữu Anh T – Chức vụ: Phó Chủ tịch. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp UBND quận Th và Chủ tịch UBND quận Th:

+ Ông Nguyễn Thanh H – Phó trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Th. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Nam Kh – Chuyên viên ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Th. (có mặt)

+ Ông Dương Thành Nh – Công chức địa chính – xây dựng – đô thị - môi trường. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Vũ Quang Tr (vắng mặt)

2/. Bà Vũ Thị H (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường 154, khu phố 3, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Xuân D – đại diện người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Vũ Thị L có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Xuân D trình bày:

Bà Vũ Thị L là chủ sở hữu diện tích đất 188,6m² bị UBND quận Th thu hồi theo Quyết định số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 về việc thu hồi đất và giao đất cho Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và bồi thường theo Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013; Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND quận Th.

Nguồn gốc đất này do bà Vũ Thị L mua của ông Phan Thanh B vào năm 1999; đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Vũ Thị L đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 22/01/2008, UBND phường L đã cấp biên nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị L.

Ngày 01/11/2013, UBND quận Th ban hành Quyết định số 6215/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông Th (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương: Chi trả tiền bồi thường,

hỗ trợ cho hộ ông Vũ Quang Tr và bà Vũ Thị L tổng số tiền là 290.539.650 đồng.

Ngày 01/10/2014, UBND quận Th ban hành Quyết định số 6102/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông Th (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương: Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Vũ Quang Tr và bà Vũ Thị L tổng số tiền là 927.535.000 đồng.

Ngày 13/11/2014, Chủ tịch UBND quận Th ban hành Quyết định số 7590/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quang Tr, bà Vũ Thị L.

Ngày 24/3/2018, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1127/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị L.

Bà Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND quận Th; Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND quận Th; Quyết định số 7590/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch UBND quận Th, Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Vũ Thị L yêu cầu UBND quận Th giao trả lại toàn bộ nhà đất số 20/24C X do cưỡng chế trái quy định pháp luật cho bà L. Bồi thường toàn bộ thiệt hại mà bà Vũ Thị L phải gánh chịu do cưỡng chế bồi thường trái pháp luật.

- Lý do yêu cầu hủy Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 và Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND quận Th:

Bà Vũ Thị L chưa nhận được Quyết định số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và UBND quận Th chưa ban hành quyết định thu hồi đất đối với từng hộ dân.

UBND quận Th bồi thường hỗ trợ không có căn cứ, không nêu rõ phần diện tích đất bị thu hồi.

Mục đích thu hồi đất không rõ ràng. Quyết định số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 về việc thu hồi và giao đất cho Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 và Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND quận Th: chi trả bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông Th (trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương. Thực tế tại phần đất của bà Vũ Thị L đang thực hiện dự án Metro B - S.

Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà Vũ Thị L: 70m² đất ở và phần đất còn lại bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất nông nghiệp là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật đất đai. Giả sử việc thu hồi đất đúng quy định, thì bà L phải được bồi thường theo hạn mức 200m² đất ở mới phù hợp với quy định của pháp luật.

- Lý do yêu cầu hủy Quyết định số 7590/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của

Chủ tịch UBND quận Th và Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh: Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 và Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND quận Th ban hành không đúng quy định pháp luật nhưng giải quyết khiếu nại lại giữ nguyên hai quyết định trên là không đúng. Đồng thời, Quyết định giải quyết khiếu nại vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại, kéo dài quá 3 năm là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý.

Người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 4375/UBND-NCPC ngày 24/9/2018 trình bày:

Thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao thông Th (Trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương, diện tích 188,6m² của bà Vũ Thị L, ông Vũ Quang Tr bị thu hồi để phục vụ dự án.

Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất: Phần đất 847m² trước ngày 30/4/1975 là “đất thổ công quốc gia”. Sau năm 1975, theo tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 474 do UBND xã T đăng ký. Theo tài liệu 02/CT-UB không có tổ chức cá nhân nào đăng ký. Đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Hữu H sử dụng. Đến năm 1980, ông Nguyễn Hữu H cho lại ông Nguyễn Văn S sử dụng. Đến năm 1990, ông Nguyễn Văn S sang nhượng lại cho ông Phan Thanh B sử dụng. Đến tháng 11/1999, ông Phan Thanh B sang nhượng lại cho ông Vũ Quang Tr, ông Vũ Quang Tr và bà Vũ Thị L (là vợ ông Tr), ông Vũ Tiến L (em bà Vũ Thị L). Năm 2002, ông Vũ Tiến L giao lại phần đất của ông Lạng cho bà Vũ Thị H (là con bà Vũ Thị L): sử dụng cho đến nay.

Theo biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 02/4/2013, hộ bà Vũ Thị L có diện tích nhà giải tỏa trước quy hoạch là 25,08m². Toàn bộ nhà và công trình kiến trúc còn lại xây dựng sau ngày 01/7/2004 (theo bản đồ năm 2004 không có nhà).

Về yêu cầu được bồi thường diện tích 188,6m² đất bị thu hồi theo giá đất ở: UBND quận Th áp dụng Văn bản số 6664/UBND-ĐTMT ngày 12/12/1013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết hỗ trợ đất ở cho 3 hồ sơ (ông Vũ Quang Tr đất ở: 70m², bà Vũ Thị L đất ở: 70m², bà Vũ Thị H đất ở: 60m²) là phù hợp.

Căn cứ Công văn số 4733/STC-HĐTĐBT-BVG ngày 04/6/2009 của Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố về giải quyết vướng mắc việc tính bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ các tuyến ống nước dọc X trên địa bàn Quận 2 và quận Th: UBND quận Th không bồi thường 5,3m²/188,6m² đất thu hồi của bà L, ông Tr là đúng quy định.

Căn cứ khoản 14.2 Điều 14 Phần IV Phương án số 26/PA-HĐBT ngày 15/3/2012, UBND phường L bồi thường hỗ trợ 113,3m² theo giá đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư là đúng quy định.

Đối với yêu cầu bồi thường kiến trúc nhà 25,08m² và mái che 78,42m² theo điểm a Khoản 1.2 Mục 1 Phần V Phương án số 26/PA-HĐBT, Giấy xác

nhận số 07 ngày 06/01/2014 của UBND phường L: không có tình tiết mới để xem xét lại.

Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 24/3/2018.

Người bị kiện UBND quận Th có Văn Bản số 4321/UBND- GPMB ngày 19/9/2018 trình bày:

Ngày 20/8/2003, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3453/QĐ-UB về thu hồi và giao đất cho Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và quản lý tại phường L và Linh Xuân, quận Th: nay thu hồi 108,8970ha đất nằm trong khu quy hoạch đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại phường L và Linh Xuân, quận Th và giao cho Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh 95,8176ha đất trong diện tích thu hồi nêu trên để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý khu đất.

Ngày 16/6/2006, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND: Nay bổ sung Điều 1 Quyết định số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 của UBND Thành phố như sau “Đối với đất chênh lệch giữa diện tích thu hồi và diện tích đất giao (diện tích 130.794m² thuộc lộ giới đường X và đường Tr), giao cho UBND quận Th để thực hiện việc bồi thường hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và quản lý khu đất không để lấn chiếm xây dựng trái phép cho đến khi thực hiện dự án mở rộng đủ lộ giới đường X và đường Tr”... Quyết định này là bộ phận không tách rời của Quyết định số 3453/QĐ-UB ngày 20/8/2003 của UBND Thành phố.

Ngày 02/4/2013, Tổ công tác kiểm kê hiện trạng thiệt hại, giải phóng mặt bằng (gồm Ban bồi thường - giải phóng mặt bằng Quận, Phòng Quản lý Đô thị Quận, Ban Quản lý đầu tư xây dựng Quận, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận, UBND phường L) đã lập Biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Nút giao Th (trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương: Tương ứng Bản đồ hiện trạng vị trí số 115319/HĐĐĐ (T19-23) ngày 25/01/2013 do Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận Th (Chủ đầu tư) cung cấp. Chủ tài sản bà Vũ Thị L: nhà đất nằm trong ranh giải tỏa là: 188,6m², đất ngoài ranh giải tỏa là: 91,5m².

Ngày 13/9/2013, UBND phường L xác nhận: Theo hồ sơ kỹ thuật số: 115319/HĐĐĐ (T19-23) do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 25/01/2013: diện tích 280,1m². Theo tài liệu bản đồ năm 2004: thuộc thửa 95 và một phần đường (DT: 5,6m²) từ bản đồ số 28. Có vị trí: mặt tiền Quốc lộ 1. Đoạn từ: Nút giao thông Th Trạm 2 đến ranh tỉnh Bình Dương.

Ngày 01/11/2013, UBND quận Th ban hành Quyết định số 6215/QĐ-UBND bồi thường hộ ông Vũ Quang Tr - bà Vũ Thị L: Đất nông nghiệp: bồi thường đất nông nghiệp mặt tiền Quốc lộ 1 đoạn nút giao Th (trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương + 50% giá đất ở trung bình khu vực, thuộc thửa 95, từ bản đồ

28 tài liệu năm 2004. Căn cứ Khoản 14.2, Mục 14, Phần IV Phương án số 26/PA-HĐBT ngày 15/3/2012 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng quận Th. Diện tích $183,3\text{m}^2$ x hệ số bồi thường, hỗ trợ 1 x hệ số giá bồi thường, hỗ trợ 1 x đơn giá bồi thường $1.560.500 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 286.039.650 \text{ đồng}$. Đất lung đường ống nước: không bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất diện tích đất thuộc lung ống cấp nước D600 = 2m^2 và DI000 = $3,3\text{m}^2$. Về Nhà - vật kiến trúc - công trình phụ: Căn cứ điểm a, Khoản 1.2, Mục 1, Phần V Phương án số 26/PA-HĐBT ngày 15/3/2012 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng quận Th: Mái che (kết cấu: mái tôn, không trần, không vách, cột sắt, nền đất), xây dựng sau ngày 01/7/2004, diện tích $78,42\text{m}^2$, không bồi thường, hỗ trợ; Nhà (kết cấu: mái tôn, không trần, vách xây, cột xây, nền men), xây dựng sau ngày 01/7/2004, diện tích $25,08\text{m}^2$, không bồi thường, hỗ trợ.

Sau khi bà L nhận được Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND quận Th, ông Vũ Quang Tr, bà Vũ Thị L đã khiếu nại đề nghị xem xét lại nguồn gốc pháp lý sử dụng nhà đất và chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với nhà đất.

Ngày 23/12/2013, UBND phường L có văn bản xác nhận số 281/GXN-UBND: Đất có nguồn gốc của ông Nguyễn Hữu H sử dụng từ sau ngày 30/4/1975 cho đến năm 1980 cho lại ông Nguyễn Văn S sử dụng đến năm 1990 sang nhượng lại cho ông Phan Thanh B sử dụng đến tháng 11/1999 sang nhượng lại cho ông Vũ Quang Tr có vợ là Vũ Thị L. Theo đăng ký nhà - đất năm 1999: có nhà ông Phan Thanh B xây dựng sau 30/9/1995 đến trước năm 1999 diện tích 48m^2 . Tháng 11/1999 ông B sang nhượng lại một phần nhà cho ông Vũ Quang Tr có vợ là bà Vũ Thị L sử dụng đến trước ngày 01/7/2004 tháo dỡ nhà cho thuê mặt bằng cho đến nay (tài liệu bản đồ năm 2004 không thể hiện nhà). Hiện tại không có tranh chấp.

Ngày 06/01/2014, UBND phường L đã lập giấy xác nhận số 07/GXN-UBND: về đất giữ nguyên xác nhận số 281/GXN-UBND ngày 23/12/2013. Nhà do ông Phan Thanh B xây trước ngày 15/10/1993, diện tích 48m^2 (căn cứ theo đăng ký nhà - đất năm 1999). Tháng 11/1999, ông B sang nhượng lại một phần nhà cho ông Vũ Quang Tr có vợ là bà Vũ Thị L sử dụng đến trước ngày 01/7/2004 tháo dỡ nhà cho thuê mặt bằng cho đến nay (tài liệu bản đồ năm 2004 không thể hiện nhà).

Ngày 16/9/2014, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận lập biên bản làm việc với hộ ông Vũ Quang Tr, Vũ Thị L, hộ Vũ Thị H thống nhất bồi thường 01 hạn mức đất ở 200m^2 cho 3 hồ sơ (ông Vũ Quang Tr đất ở: 70m^2 , bà Vũ Thị L đất ở: 70m^2 , bà Vũ Thị H đất ở: 60m^2).

Ngày 25/9/2014, Hội đồng bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng dự án duyệt biên bản bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất bổ sung đối với hộ ông Tr, bà L với tổng kinh phí bồi thường là 927.535.000 đồng. Trong đó đất ở là 1.036.770.000 đồng, khấu trừ tiền bồi thường đất nông nghiệp đã nhận là 109.235.000 đồng. Ngày 01/10/2014, UBND quận Th ban hành Quyết định số

6102/QĐ-UBND, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Tr, bà L với số tiền là 927.535.000 đồng.

Bà Vũ Thị L không đồng ý với chính sách bồi thường nên bà L đã làm đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND quận Th đã ban hành Quyết định số 7950/QĐ-UBND ngày 13/11/2014: giữ nguyên Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 và Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân quận Th.

Ủy ban nhân dân quận Th giữ nguyên Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 và Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L.

Người bị kiện Chủ tịch UBND quận Th có Văn Bản số 4320/UBND-GPMB ngày 19/9/2018, giữ nguyên Quyết định số 7590/QĐ-UBND ngày 13/11/2014. Chủ tịch UBND quận Th đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1789/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 74, Điều 75, Điều 80, Điều 82, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện bà Vũ Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận Th; Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân quận Th; Quyết định số 7590/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Th, Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 11/12/2014, đại diện người khởi kiện ông Nguyễn Xuân D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Xuân D đại diện cho người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Hiện nay không có văn bản pháp luật về việc ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt khi chuyển tiếp giữa Luật đất đai 1993 và 2003, UBND quận Th chỉ căn cứ vào các văn bản trao đổi thông tin là Công văn của Bộ để không ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt là vi phạm pháp luật ban hành văn bản pháp luật. Hơn nữa, thời điểm ban hành quyết định bổ sung mở rộng quốc lộ 1A là năm 2006, Luật đất đai 2003 đã có hiệu lực. Địa chỉ thửa đất thu hồi không hề nằm trên quốc lộ 1A, nhưng đất của bà L lại được sử dụng vào mục đích mở rộng quốc lộ 1A, sau đó là dự án Metro B – S trong khi mục đích thu hồi ban đầu là xây dựng Trường đại học quốc gia.

Giá bồi thường UBND quận Th áp dụng để bồi thường là không phù hợp, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bà L. Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận Th là không đúng, UBND Thành phố Hồ Chí Minh kéo dài thời hạn giải quyết khiếu nại là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L, hủy toàn bộ các quyết định bị kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND quận Th và Chủ tịch UBND quận Th đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân D làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, UBND quận Th, Chủ tịch UBND quận Th vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Quang Tr, bà Vũ Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận Th, Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân quận Th về việc chi trả tiền bồi thường khi thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 với lý do: UBND quận Th không ban hành quyết định thu hồi đất, mục đích thu hồi đất không rõ ràng, việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất không đúng quy định pháp luật.

Đồng thời, bà L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7590/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Th và Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà L.

[2.2] Xét yêu cầu của bà L về việc hủy các quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất:

Ngày 20/8/2003, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3453/QĐ-UB về thu hồi và giao đất cho Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng. Ngày 16/6/2006, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND bổ sung Điều 1 của Quyết định số 3453/QĐ-UB, điều chỉnh nội dung thu hồi đất để phục vụ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ nút giao thông Th (trạm 2) đến ranh tỉnh Bình Dương.

Ngày 01/11/2013, UBND quận Th ban hành Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ 01; ngày 01/10/2014, UBND quận Th ban hành Quyết định số 6102/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung dự án mở rộng Quốc lộ 1 đối với hộ bà Vũ Thị L.

Do diện tích đất gia đình bà L sử dụng đã được UBND Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi theo Quyết định số 3453/QĐ-UB nên UBND quận Th không ban hành quyết định thu hồi đất nữa là đúng quy định pháp luật. Do có thay đổi về quy hoạch sử dụng đất nên ngày 16/6/2006, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND thay đổi mục đích thu hồi đất của Quyết định số 3453/QĐ-UB sang thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1 là phù hợp với quy định pháp luật. Trên cơ sở Quyết định số 2725/QĐ-UBND, UBND quận Th ban hành Quyết định số 6215/QĐ-UBND, Quyết định số 6102/QĐ-UBND chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đối với hộ bà Vũ Thị L là đúng quy định pháp luật.

Phần diện tích đất thu hồi của hộ bà L nằm trong tổng diện tích đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu H sử dụng từ sau ngày 30/4/1975; đến năm 1980 cho lại ông Nguyễn Văn S sử dụng; năm 1990, ông Sang sang nhượng lại cho ông Phan Thanh B; năm 1999, ông B sang nhượng lại cho vợ chồng bà L. Sau đó, hộ ông Tr, bà L và hộ bà Vũ Thị H (con ông Tr, bà L) cùng sử dụng diện tích đất này. Việc sử dụng đất của các hộ gia đình chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Ông Tr, bà L, bà H cho rằng nhận chuyển nhượng riêng của ông B nhưng việc chuyển nhượng chỉ bằng giấy tay, không đủ cơ sở xác định diện tích và ranh giới chuyển nhượng. Tại thời điểm thu hồi đất, theo bản đồ năm 2004 không thể hiện có nhà trên đất, không có cơ sở xác định ông Tr, bà L, bà H xây dựng nhà ở và sử dụng ổn định trên đất. Mặc dù diện tích đất thu hồi là đất nông nghiệp nhưng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Th căn cứ vào điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Thanh B và việc ông B có xây dựng nhà ở trước ngày 15/10/1993, lên phương án bồi thường cho cả 03 hộ ông Tr, bà L, bà H hạn mức 200m² đất ở, trong đó hộ bà L được bồi thường 70m² đất ở là đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà L.

Theo biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất ngày 02/3/2013 thì trên phần

diện tích đất bị thu hồi 188,6m² của bà L có căn nhà tạm diện tích 25,08m² và phần mái che 78,42m², còn lại là đất trống cho thuê làm bãi sửa chữa xe cơ giới; các công trình được xây dựng sau ngày 01/7/2004. Việc xây dựng công trình không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền và được thực hiện sau khi UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3453/QĐ-UB về thu hồi và giao đất cho Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng. Do đó, các tài sản, vật kiến trúc trên đất không đủ điều kiện để được bồi thường.

UBND quận Th ban hành Quyết định số 6215/QĐ-UBND, Quyết định số 6102/QĐ-UBND chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đối với hộ bà Vũ Thị L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu của bà Vũ Thị L yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại:

Do UBND quận Th ban hành Quyết định số 6215/QĐ-UBND, Quyết định số 6102/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật như đã phân tích tại mục [2.2] nên Chủ tịch UBND quận Th ban hành Quyết định số 7590/QĐ-UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1127/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà L là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Xuân D – đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị L không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bà Vũ Thị L là người cao tuổi, được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 74, Điều 75, Điều 80, Điều 82, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân D – đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số

1789/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện bà Vũ Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 6215/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân quận Th; Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của Ủy ban nhân dân quận Th; Quyết định số 7590/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Th, Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 24/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà Vũ Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (6);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng